



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1183/QĐ-ĐHKG ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên Chương trình: **Công nghệ thông tin (Information Technology)**

Trình độ đào tạo: **Đại học (kỹ sư)**

Ngành đào tạo: **Công nghệ thông tin**

Mã ngành: **7480201**

1. Khối lượng kiến thức toàn khoá : 150 tín chỉ (Không bao gồm 11 tín chỉ học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng-an ninh)

KHỐI KIẾN THỨC	Tổng		Kiến thức Bắt buộc		Kiến thức tự chọn	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
I. Kiến thức giáo dục đại cương	29	19.33	29	29	0	0
II. Kiến thức cơ sở ngành	43	28.67	37	37	6	12
III. Kiến thức chuyên ngành	68	45.33	24	24	44	88
VI. Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	6.67	10	10	0	0
Cộng	150		100		50	

2. Hướng dẫn thực hiện:

Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy ngành công nghệ thông tin (đào tạo kỹ sư) của Trường Đại học Kiên Giang được xây dựng căn cứ Theo Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 09 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 277/QĐ-ĐHKG ngày 17/7/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 374/QĐ-ĐHKG ngày 19/6/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kiên Giang.

Khối lượng kiến thức của khoá học 4 năm là 150 tín chỉ (Không tính các học phần GDTC và GDQP) được phân bố trong 9 học kỳ. Kế hoạch giảng dạy được dự kiến như sau:

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ	MHP	Tên học phần	Tín chỉ	Ghi chú
1 15 TC	Z05005	Triết học Mác – Lênin	3	
	A05027	Lý thuyết xác suất thống kê Toán	3	
	G05098	Lập trình căn bản	4	
	A05005	Pháp luật đại cương	2	
	A05008	Giáo dục thể chất 1 (điền kinh)	-	
	F05010	Tiếng Anh 1	3	
2 15 TC	Z05001	Đường lối quốc phòng và An ninh của Đảng cộng sản Việt Nam	-	
	Z05006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
	A05009	Giáo dục thể chất 2	-	
	G06099	Cấu trúc dữ liệu	4	
	G06009	Kiến trúc máy tính	3	
	G06010	Nguyên lý hệ điều hành	3	
	F05011	Tiếng Anh 2	3	
3 18 TC	Z05007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
	Z05004	Hiểu biết chung về quân, binh chủng	-	
	Z05003	Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn	-	
	Z05002	Công tác quốc phòng và an ninh	-	
	A05010	Giáo dục thể chất 3	-	
	G06111	Toán rời rạc - CNTT	3	
	G06101	Lập trình hướng đối tượng	3	
	G06103	Cơ sở dữ liệu	4	
	G06100	Mạng máy tính	3	
	F05012	Tiếng anh 3	3	

4 18 TC	A05003	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
	G06022	Java	3	
	G06102	Phân tích và thiết kế thuật toán	3	
	G06024	Anh văn chuyên ngành CNTT	3	
	G07107	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	4	
	Học phần tự chọn		3	
	G06122	Mạch và tín hiệu	3	CN1
	G06013	Nhập môn Công nghệ phần mềm	3	CN2
5 16 TC	G07104	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3	
	Z05008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	
	G07110	Lập trình Web	3	
	G26016	Lý thuyết đồ thị	3	
	G26021	Phương pháp nghiên cứu khoa học - CNTT	2	
	Học phần tự chọn		3	
	G27039	Phát triển phần mềm mã nguồn mở	3	CN2
	G27045	Phát triển ứng dụng trên Windows	3	
	G27044	Phát triển ứng dụng trên linux	3	
	G07069	Quản trị mạng trên linux	3	CN1
	G07040	Quản trị mạng windows	3	
	G07041	Quản trị mạng	3	
6 16 TC	G07105	Trí tuệ nhân tạo	4	
	Học phần tự chọn		12	
	G07106	Thiết kế và cài đặt mạng	3	CN1
	G07109	Lập trình mạng	3	
	G07124	Công nghệ Multimedia	3	
	G07125	Thiết kế hệ thống nhúng	3	
	G07084	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
	G26023	Ngôn ngữ mô hình hóa	3	CN2



	G07126	Kho dữ liệu và OLAP	3	
	G07127	Cơ sở dữ liệu NoSQL	3	
	G07128	Cơ sở dữ liệu đa phương tiện	3	
	G28054	Giao diện người - máy	3	
7 19 TC	G27032	An toàn hệ thống	3	
	G27049	Thực tập nghề nghiệp	4	
	G27050	Niên luận cơ sở - CNTT	3	
	Học phần tự chọn		9	
	G27027	Điện toán đám mây	3	CN1
	G07129	Phát triển ứng dụng IoT	3	
	G07081	Lập trình nhúng	3	
	G07147	Kỹ thuật phát hiện tấn công mạng	3	
	G07130	Công nghệ tri thức	3	CN2
	G07131	Hệ chuyên gia	3	
	G07132	Hệ hỗ trợ ra quyết định	3	
	G07108	Hệ thống thông tin địa lý	3	
8 17 TC	Học phần tự chọn		3	
	G06139	Máy học	3	CN1
	G06133	Công nghệ Blockchain	3	
	G06143	Các công nghệ ứng dụng web	3	CN2
	G06144	Kiểm thử phần mềm	3	
	Học phần tự chọn		14	
	G08058	An ninh mạng	3	CN1
	G07138	Công nghệ VoIP	2	
	G28065	Khai phá dữ liệu	3	
	G07086	Mạng không dây và di động	3	
	G07108	Hệ thống thông tin địa lý	3	
	G07148	Giải quyết và đánh giá hiệu năng mạng	3	

	G07149	Xử lý dữ liệu lớn	3	CN2
	G07140	Matlab	2	
	G07141	Lập trình Python	3	
	G07142	Lập trình ngôn ngữ R	3	
	G07145	Tìm kiếm thông tin	3	
	G07146	Mô hình hóa quyết định	3	
	G07150	Lập trình cho thiết bị di động	3	
	G07084	Xử lý ảnh và thị giác máy tính	3	
	G07137	Xử lý ngôn ngữ tự nhiên	3	
9 16 TC	Học phần tự chọn		6	
	G08057	Quản lý dự án phần mềm	3	CN1
	G07145	Tìm kiếm thông tin	3	
	G07150	Tường lửa	3	
	G08059	Công nghệ web	3	CN2
	G07134	Công nghệ J2EE	3	
	G08057	Quản lý dự án phần mềm	3	
	Học phần tự chọn		10	
	G28051	Khóa luận tốt nghiệp	10	
	G28052	Tiểu luận tốt nghiệp – CNTT	4	
	G28053	Thương mại điện tử - CNTT	3	
	G08059	Công nghệ web	3	
	G07140	Matlab	3	
	G07151	Quản trị Cơ sở dữ liệu	3	
	G07135	Lập trình cho thiết bị di động	3	
	G07152	An toàn và bảo mật thông tin	3	
	G28061	Lập trình song song	3	
	G07136	Xử lý tiếng nói	3	
	G07124	Công nghệ Multimedia	3	

G07149	Xử lý dữ liệu lớn	3	
G07129	Phát triển ứng dụng IoT	3	
G07139	Máy học	3	
G07145	Tìm kiếm thông tin	3	

Ghi chú: CN1 là chuyên ngành mạng truyền thông và tự động hóa

CN2 là chuyên ngành hệ thống thông tin và công nghệ phần mềm

Hai chuyên ngành này sinh viên có thể tham khảo nhóm học phần để học tập cho phù hợp không bắt buộc chọn theo nhóm chuyên ngành. Sinh viên có thể chọn bất kỳ học phần nào trong nhóm tự chọn của hai chuyên ngành trên để đủ tín chỉ tích lũy.

Căn cứ vào chương trình đào tạo sinh viên tham khảo ý kiến của cố vấn học tập để lập kế hoạch học tập cho toàn khóa học cho phù hợp. Trước khi bắt đầu học kỳ, Nhà trường thông báo lịch học dự kiến cho từng ngành, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến, làm căn cứ để sinh viên đăng ký khối lượng học tập.

Ngoài các học phần đã tích lũy, để đạt được mục tiêu tốt nghiệp sinh viên phải tích lũy chứng chỉ kỹ năng mềm, chuẩn đầu ra ngoại ngữ, tin học theo quy định của Trường.

Chương trình đào tạo có thể được điều chỉnh theo quy định tại Khoản 1 – Điều 8, Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước và hội nhập.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
(ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Thành